TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN 9 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 62/2020/QĐST-HNGĐ	*Quận 9, ngày 22 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬNCỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ Điều 212, Điều 213 và Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 58, 81,82,83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 63/2020/TLST – HNGĐ ngày 02/01/2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
Bà Trần Thị Ngọc D, sinh năm 1983
Ông Hắc Ngọc T, sinh năm 1977
Cùng địa chỉ: phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ việc và căn cứ lời khai của đương sự trong quá trình tố tụng, Tòa án nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ việc:

Ông Hắc Ngọc T và bà Trần Thị Ngọc D chung sống với nhau từ năm 2003 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2003, do UBND phường P cấp ngày 17/10/2003. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay, ông T và bà D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Đây là việc dân sự yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bà Trần Thị Ngọc D và ông Hắc Ngọc T có địa chỉ cư trú tại Quận 9 nên theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35 và điểm h khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về yêu cầu của đương sự:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hắc Ngọc T và bà Trần Thị Ngọc D yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 02 người con chung tên Hắc Ngọc Xuân T, sinh ngày

31/8/2004 và Hắc Ngọc Xuân T, sinh ngày 01/7/2011. Hai bên thỏa thuận, ông Hắc Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung, bà Trần Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/con (3.000.000 đồng/tháng/2con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/02/2020.

- Về tài sản chung: Đương sự khai không có

- Về nợ chung: Đương sự khai không có.

[3] Quá trình tố tụng, Tòa án tiến hành thủ tục hòa giải để các bên đoàn tụ với nhau nhưng các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu nên việc hòa giải đoàn tụ cho các đương sự là không thành. Ông Hắc Ngọc T và bà Trần Thị Ngọc D yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho ông bà và Tòa án đã lập biên bản về việc hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự thỏa thuận của cho các đương sự vào ngày 14 tháng 01 năm 2020.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hắc Ngọc T và bà Trần Thị Ngọc D thuận tình ly hôn.

Giấy chứng nhận kết hôn số 136, quyển số 01/2003, do UBND phường Phước Long B, Quận 9 cấp ngày 17/10/2003 cho ông Hắc Ngọc T và bà Trần Thị Ngọc D không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Ông Hắc Ngọc T trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung tên Hắc Ngọc Xuân T, sinh ngày 31/8/2004 và Hắc Ngọc Xuân T, sinh ngày 01/7/2011. Bà Trần Thị Ngọc D cấp dưỡng nuôi con 1.500.000 đồng/tháng/ con (3.000.000 đồng/tháng/2con) cho đến khi các con chung lần lượt đủ 18 tuổi. Việc giao nhận tiền cấp dưỡng nuôi con do các đương sự tự thực hiện vào ngày 10 dương lịch hàng tháng, bắt đầu từ ngày 10/02/2020.

Trường hợp người có nghĩa vụ cấp dưỡng chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền cấp dưỡng thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở. Nếu lợi dụng việc thăm nom để gây cản trở hoặc ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được

cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Các đương sự khai không có.

- Về nợ chung: Các đương sự khai không có.

- Về các vấn đề khác: Không có.

2. Về lệ phí Tòa án: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, ông Hắc Ngọc T chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng, bà Trần Thị Ngọc D chịu 150.000 (Một trăm năm mươi ngàn) đồng nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, lệ phí 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng mà ông T và bà D đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Toà án số 0013083 ngày 31/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 9. Ông Hắc Ngọc T và bà Trần Thị Ngọc D đã nộp đủ lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSNDQ9;
- VKSND Tp.HCM;
- Chi cục THADS Quận 9;
- UBND phường Phước Long B, Quận 9
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Xuân Dũng